

Bản án số: 33 /2024/HS-ST

Ngày 05 - 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tân Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Công Ó

Bà Lê Thị Bồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo: Phan Thị L, sinh ngày 21 tháng 01 năm 1978; nơi cư trú: Bản X, xã Huy Tân, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn Q; con bà: Phan Thị Đ (đã chết); có chồng là Nguyễn Văn H (đã chết), bị cáo có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2000, con thứ hai sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17 tháng 5 năm 2023 đến ngày 22/9/2023 được bảo lãnh tại ngoại; “có mặt”.

- Bị hại:

+ Chị Đinh Thị Dương, sinh năm 1980, nơi cư trú: Bản Chiềng Trung, xã Quang Huy, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.

+ Chị Lò Thị Thìn, sinh năm 1977; nơi cư trú: Bản Tọ Hạ, xã Huy Bắc, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.

+ Chị Hoàng Thị Hoà, sinh năm 1980; nơi cư trú: Bản Nà Xá, xã Quang Huy, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “có mặt”.

+ Anh Giàng A Chu, sinh năm 1986; nơi cư trú: Bản Tổng Cầu, xã Mường Thái, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.

+ Anh Lương Văn Quỳnh, sinh năm 2004; nơi cư trú: Bản Kim Phong, xã Huy Tân, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “có mặt”.

+ Chị Lò Thị Hồng, sinh năm 1997; nơi cư trú: Bản Dèm Hạ, xã Huy Bắc,

huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.

+ Anh Giàng A Tủa, sinh năm 1989; nơi cư trú: Bản Suối Vạch, xã Kim Bon, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “có mặt”.

+ Anh Phàng A Lồng, sinh năm 1993; nơi cư trú: Bản Suối Vạch, xã Kim Bon, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “có mặt”.

+ Anh Phàng A Dền, sinh năm 1985; nơi cư trú: Bản Suối Vạch, xã Kim Bon, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “có mặt”.

+ Anh Thào A Lữ, sinh năm 1993; nơi cư trú: Bản Núi Hồng, xã Huy Thượng, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.

+ Anh Thào A Chua, sinh năm 1992; nơi cư trú: Bản Núi Hồng, xã Huy Thượng, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “có mặt”.

- *Người cơ quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Văn Sơn, sinh năm 1968; nơi cư trú: Tiểu khu 8, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “có mặt”.

+ Anh Nguyễn Thanh Tùng, sinh năm 2003; nơi cư trú: Bản Tọ Hạ, xã Huy Bắc, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.

+ Chị Thào Thị Sủ, sinh năm 1990; nơi cư trú: Bản Tổng Cầu, xã Mường Thái, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.

+ Chị Phàng Thị Chá, sinh năm 1990; nơi cư trú: Bản Suối Vạch, xã kim Bon, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “có mặt”.

+ Chị Thào Thị Pàng, sinh năm 1994; nơi cư trú: Bản Suối Vạch, xã kim Bon, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.

+ Chị Giàng Thị Dơ, sinh năm 1985; nơi cư trú: Bản Suối Vạch, xã kim Bon, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “có mặt”.

+ Chị Vàng Thị Chơ, sinh năm 1993; nơi cư trú: Bản Núi Hồng, xã Huy Thượng, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.

+ Chị Mùa Thị Giang, sinh năm 1992; nơi cư trú: Bản Núi Hồng, xã Huy Thượng, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.

+ Chị Phàng Thị Dờ, sinh năm 1991; nơi cư trú: Bản Núi Hồng, xã Huy Thượng, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “vắng mặt”.

+ Chị Vàng Thị Trú, sinh năm 1992; nơi cư trú: Bản Núi Hồng, xã Huy Thượng, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “có mặt”.

- *Người làm chứng:* Bà Hà Thị Mai, sinh năm 1986, nơi cư trú: bản Kim Phong, xã Huy Tân, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 01/2023, biết được thông tin Sở giao thông vận tải tỉnh Sơn La chuẩn bị mở đợt thi sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1 tại địa bàn huyện Phù Yên. Phan Thị L đã dùng điện thoại của mình có số thuê bao 0376.534.843 để gọi điện và trao đổi với Sơn qua số điện thoại 0964.449.568 và 0915.932.092. L hỏi Sơn “*anh xem có ai làm được bằng xe máy không*”. Ý hỏi là có ai có khả năng bao đỡ lý thuyết hay không. Sơn trả lời “*làm được, ai làm*”.

thì em chụp ảnh căn cước gửi cho anh, em thu mỗi người 1.500.000 đồng, đưa cho anh 1.000.000 đồng, còn em giữ 500.000 đồng”. Sau đó, qua giao tiếp và sinh hoạt hàng ngày, L đều đưa ra thông tin mình có khả năng bao đỗ thi lý thuyết để những người có nhu cầu đến gặp và đưa tiền cho L. Từ đầu **tháng 2/2023 đến ngày 19/3/2023** đã có 11 người đưa tiền cho L để bao đỗ lý thuyết gồm:

1. Chị Đinh Thị Dương, sinh năm 1980, nơi cư trú: bản Chiềng Trung, xã Quang Huy, huyện Phù Yên: đưa cho L số tiền 1.700.000 đồng trực tiếp tại nhà ở của L.

2. Chị Lò Thị Thìn, sinh năm 1977, nơi cư trú: bản Tọ Hạ, xã Huy Bắc, huyện Phù Yên (nhờ để bao lý thuyết cho con trai là Nguyễn Thanh Tùng, sinh năm 2003): đưa cho L số tiền 1.700.000 đồng trực tiếp tại nhà ở của L.

3. Chị Hoàng Thị Hòa, sinh năm 1980, nơi cư trú: bản Nà Xá, xã Quang Huy, huyện Phù Yên: đưa cho L số tiền 1.700.000 đồng trực tiếp tại nhà ở của L.

4. Anh Giàng A Chu, sinh năm 1986, nơi cư trú: bản Tổng Cầu, xã Mường Thải, huyện Phù Yên (nhờ để bao lý thuyết cho vợ là Thào Thị Sủ, sinh năm 1990): đưa cho L số tiền 1.700.000 đồng trực tiếp tại Công viên thị trấn Phù Yên.

5. Anh Lường Văn Quỳnh, sinh năm 2004, nơi cư trú: bản Kim Phong, xã Huy Tân, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La: đưa cho L số tiền 1.500.000 đồng trực tiếp tại nhà ở của L.

6. Chị Lò Thị Hồng, sinh năm 1997, nơi cư trú: bản Dèm Hạ, xã Huy Bắc, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La: đưa cho L số tiền 1.700.000 đồng trực tiếp tại nhà ở của L.

7. Anh Giàng A Tủa, sinh năm 1989, nơi cư trú: bản Suối Vạch, xã Kim Bon, huyện Phù Yên (nhờ để bao lý thuyết cho vợ là Phàng Thị Chá, sinh năm 1990): đưa cho L số tiền 1.700.000 đồng trực tiếp tại Công viên thị trấn Phù Yên.

8. Anh Phàng A Lồng, sinh năm 1993, nơi cư trú bản Suối Vạch, xã Kim Bon, huyện Phù Yên (nhờ để bao lý thuyết cho vợ là Thào Thị Pàng, sinh năm 1994): đưa cho L số tiền 1.700.000 đồng trực tiếp tại Công viên thị trấn Phù Yên.

9. Anh Phàng A Dềnh, sinh năm 1985, nơi cư trú: bản Suối Vạch, xã Kim Bon, huyện Phù Yên (nhờ để bao lý thuyết cho vợ là Giàng Thị Dơ, sinh năm 1985): đưa cho L số tiền 1.700.000 đồng trực tiếp tại Công viên thị trấn Phù Yên.

10. Anh Thào A Lử, sinh năm 1993, nơi cư trú bản Núi Hồng, xã Huy Thượng, huyện Phù Yên (nhờ để bao lý thuyết cho vợ và chị dâu là Vàng Thị Chơ và Mùa Thị Giang): đưa cho L số tiền 3.400.000 đồng trực tiếp tại Công viên thị trấn Phù Yên.

11. Anh Thào A Chua, sinh năm 1992, nơi cư trú: bản Núi Hồng, xã Huy Thượng, huyện Phù Yên (nhờ để bao lý thuyết cho vợ và hàng xóm là chị Phàng Thị Dở và chị Vàng Thị Trú): đưa cho L số tiền 3.400.000 đồng trực tiếp tại Công viên thị trấn Phù Yên.

Tổng số tiền L đã nhận và chiếm đoạt của 11 bị hại là 21.900.000 đồng. Sau đó, vào ngày 17/3/2023 L đã gặp và đưa cho Sơn số tiền 10.000.000 đồng. Còn lại số tiền 11.900.000 đồng L đã chi tiêu cá nhân hết mà không gặp hay tác động đến bất kỳ cá nhân nào để giúp các bị hại thi đỗ lý thuyết.

Ngày 18/4/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với toàn bộ số tiền 21.900.000 đồng. Tại bản kết luận giám định số 876 ngày 27/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận “Số tiền VNĐ gửi giám định là tiền thật”.

Ngày 26/6/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 88 để giám định chữ viết, chữ ký của Phan Thị L trong biên bản giao nhận tiền giữa Phan Thị L và anh Thào A Lữ. Tại bản kết luận giám định số 1615 ngày 27/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: chữ ký “L” dưới mục người nhận tiền trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký của Phan Thị L trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người ký ra.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận nêu trên.

Với những tình tiết như trên, tại Cáo trạng số: 51/CT – VKS ngày 23/8/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đã truy tố Phan Thị L về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa ngày 29/01/2024, bị cáo Phan Thị L thay đổi lời khai, không thừa nhận hành vi phạm tội mà cho rằng khoản tiền 21.900.000 đồng nhận của các bị hại là để thuê người tư vấn, dạy lý thuyết chứ không phải để chạy (bao đỗ) lý thuyết thi giấy phép lái xe như đã khai tại giai đoạn điều tra. Tại phiên tòa hôm nay (05/3/2024), bị cáo Phan Thị L khai nhận hành vi như đã nêu ở trên.

Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có lời khai xác nhận nội dung đưa tiền cho L là để nhờ L chạy (bao đỗ) lý thuyết thi giấy phép lái xe mô tô hạng A1, không phải để thuê người tư vấn, dạy lý thuyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Sơn xác nhận bị cáo L có liên lạc với Sơn nhưng nội dung đưa tiền 10.000.000 đồng cho Sơn là thuê Sơn tư vấn, dạy lý thuyết chứ không phải để chạy (bao đỗ) lý thuyết thi giấy phép lái xe.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố. Hành vi của bị cáo Phan Thị L đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Thị L từ 18 đến 24 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ghi nhận bị cáo L tự nguyện nộp lại số tiền 11.900.000 đồng; Nguyễn Văn Sơn đã nộp lại số tiền 10.000.000 đồng để bồi thường cho các bị hại. Trả lại chiếc điện thoại di động cho bị cáo L và Nguyễn Văn Sơn. Trong phần đối đáp, bị cáo Phan Thị L nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên.

Các bị hại có mặt tại phiên tòa cũng như bị hại có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa đều có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt bị cáo L. Về trách nhiệm dân sự, các bị hại yêu cầu được nhận lại khoản tiền đã nộp cho L để chạy giấy phép lái xe, ngoài ra không có yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

Kết thúc tranh luận, bị cáo trình bày lời nói sau cùng, bị cáo Phan Thị L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phan Thị L khai nhận: Khi biết thông tin tại huyện Phù Yên chuẩn bị mở lớp thi sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1 tại Công ty cổ phần QLSC và XDCT giao thông 2 Sơn La. Bị cáo sử dụng điện thoại (số thuê bao 0376.534.843) để gọi điện trao đổi với Nguyễn Văn Sơn (số điện thoại của anh Sơn là 0964.449.568 và 0915.932.092). Bị cáo L hỏi *“anh xem có ai làm được bằng xe máy không,”* anh Sơn trả lời *“làm được, ai làm thì em chụp ảnh căn cước gửi cho anh, em thu mỗi người 1.500.000 đồng, đưa cho anh 1.000.000 đồng, còn em giữ 500.000 đồng.”* Sau khi trao đổi với Nguyễn Văn Sơn, trong giao tiếp hàng ngày, bị cáo đưa ra thông tin về việc mình có khả năng bao thi đỗ lý thuyết thi sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô để mọi người tin tưởng đến gặp đưa tiền nhờ giúp đỡ chạy giấy phép lái xe nhằm chiếm đoạt. Đến ngày 17/3/2023, sau khi thu được tiền của các bị hại, bị cáo hẹn gặp và đưa cho Nguyễn Văn Sơn 10.000.000 đồng thì Sơn mới yêu cầu bị cáo đưa những người thi giấy phép lái xe xuống nhà Sơn để Sơn tư vấn, dạy lý thuyết. Giữa bị cáo và Sơn không trao đổi về việc tư vấn, dạy lý thuyết mà do Sơn tự yêu cầu.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra; lời khai của bị hại; lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Tại Biên bản tiếp nhận nguồn tin tội phạm, Đơn tố giác, Biên bản ghi lời khai của các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như người làm chứng (bút lục 93 đến 291, 373, 374, 488-507, 514, 515, 519, 522, 594, 595) đều xác nhận khoản tiền các bị hại đưa cho L là để nhờ L chạy (bao đỗ) lý thuyết thi giấy phép lái xe mô tô hạng A1, chứ không phải để thuê người tư vấn, dạy lý thuyết. Bị hại Đinh Thị Dương khai: *“Tôi có hỏi L “chị ơi, em nghe Mai giới thiệu chị có khả năng xin chạy được giấy phép lái xe à,” L trả lời “ừ, ông ấy đang nhờ chị nhận chạy cho 8 người, vừa rồi cũng có mấy người Mông cũng đến nhận nhờ chạy.”* Tôi nói *“em thì không hiểu luật, nhờ chị chạy hộ cho em với,”* L nói *“yên tâm, tao làm việc này chưa trả lại tiền ai bao giờ.”* Nghe L nói như vậy thì tôi mới tin tưởng đưa tiền cho L để nhờ L chạy thi cấp giấy phép lái xe.” Bị hại Hoàng Thị Hòa khai: *“tôi xác định vào*

khoảng đầu tháng 3/2023 tôi có gặp chị L tại khu bệnh Viện đa khoa huyện Phù Yên. Khi thấy tôi có biểu hiện sợ CSGT thì L hỏi tôi “*sao lại phải quay lại,*” tôi trả lời “*chưa có bằng lái xe nên sợ lắm, lần trước có đi thi bằng lái xe nhưng bị trượt,*” chị L nói “*chị bao được phần lý thuyết đấy, đưa cho chị 1.700.000đ chị lo cho,*” tôi hỏi “*thế làm như thế nào,*” L trả lời “*cứ mang tiền với căn cước công dân lên nhà chị, chị hướng dẫn cách làm cho.*” Tôi hiểu nội dung trao đổi trên là tôi sẽ đưa cho chị L số tiền 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng), chị L có trách nhiệm lo cho tôi thi đỗ phần thi lý thuyết thi sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô. Vì nghe L nói sẽ bao được phần thi lý thuyết nên tôi tin tưởng và giao tiền cho L.” Bị hại Thảo A Chua khai: “Tôi xác định vào tháng 3/2023 tôi sử dụng điện thoại của tôi số thuê bao 0388415676 để gọi điện vào số điện thoại của L là 0376534843. Tôi hỏi L “*chị ơi vợ em sắp thi sát hạch giấy phép lái xe máy, vợ em không biết chữ, chị có thể giúp vợ em thi đỗ phần thi lý thuyết được không,*” L trả lời “*không biết chữ thì chưa biết có giúp được không,*” tôi nói “*thế để em nhờ người khác xem.*” Ngày hôm sau tôi lại tiếp tục gọi điện thoại cho L và hỏi “*chị ơi chị xem có thể giúp vợ em được không,*” L nói “*giúp thì giúp được nhưng hơi đắt tiền,*” tôi nói “*hết tầm bao nhiêu tiền ạ,*” L nói “*mỗi người hết 1700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng).*” Qua nội dung trao đổi trên tôi hiểu được ý của chị L nói là có khả năng giúp vợ tôi và chị Trú thi đỗ phần thi lý thuyết thi sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1. Chi phí để L giúp vợ tôi và chị Trú là 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng) một người. Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác cũng có lời khai với nội dung tương tự ở trên.

Tại các bản khai, bị cáo Phan Thị L khai: “...tôi biết thông tin tại huyện Phù Yên chuẩn bị mở lớp thi sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1 tại Công ty cổ phần QLSC và XDCT giao thông 2 Sơn La. Tôi sử dụng điện thoại của tôi số thuê bao 0376.534.843 để gọi điện trao đổi với anh Sơn (số điện thoại của anh Sơn là 0964.449.568 và 0915.932.092). Tôi hỏi “*anh xem có ai làm được bằng xe máy không,*” anh Sơn trả lời “*làm được, ai làm thì em chụp ảnh căn cước gửi cho anh, em thu mỗi người 1.500.000 đồng, đưa cho anh 1.000.000 đồng, còn em giữ 500.000 đồng.*” Tôi nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của những người chuẩn bị tham gia thi sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1, vì vậy trong giao tiếp hàng ngày, tôi đưa ra thông tin về việc mình có khả năng bao thi đỗ lý thuyết thi sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô để mọi người đến gặp tôi nhờ giúp đỡ (bút lục 259, 299, 299,301, 310, 314, 485, 486)...” “Tôi xác định tôi được nhận tiền để giúp cho 13 trường hợp thi đỗ với tổng số tiền là 21.900.000đ (hai mươi một triệu chín trăm nghìn đồng) (bút lục 300).”

Mặc dù bản thân không có thẩm quyền cũng như khả năng bao thi đỗ lý thuyết thi sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô nhưng với mục đích chiếm đoạt tiền của các bị hại, bị cáo L đã đưa ra thông tin gian dối (không đúng sự thật) với mục đích làm cho mọi người tin tưởng giao tiền cho bị cáo rồi chiếm đoạt của 11 bị hại với tổng số tiền là 21.900.000 đồng.

Từ những phân tích đánh giá các chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi mà bị cáo thực hiện đã cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt

tài sản theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La truy tố Phan Thị L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.” Theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân người phạm tội và về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[2.1] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, gây nguy hại cho xã hội không lớn. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của nhiều cá nhân, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức được việc xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là trái pháp luật. Tuy nhiên, do hám lợi trước mắt, bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật, cố ý phạm tội.

[2.2] Về nhân thân người phạm tội: Ngoài lần phạm tội này, người phạm tội chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; bản thân làm nghề lao động tự do, trình độ học vấn 03/12, hiểu biết về pháp luật có phần hạn chế.

[2.3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được bị hại có đơn xin giảm nhẹ một phần hình phạt, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo Phan Thị L đã 11 lần chiếm đoạt tài sản của các bị hại, trong đó 2 lần chiếm đoạt số tiền trên mức tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự (mỗi lần chiếm đoạt 3.400.000 đồng) nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Từ việc phân tích, đánh giá những căn cứ quyết định hình phạt ở trên, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập chỉ đủ đáp ứng nhu cầu thiết yếu cuộc sống, điều kiện kinh tế còn khó khăn, không có tài sản tích lũy (bút lục số 322, 323). Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Bị cáo Phan Thị L và Nguyễn Văn Sơn đã nộp lại khoản tiền chiếm đoạt của các bị hại (Phan Thị L nộp 11.900.000 đồng; Nguyễn Văn Sơn nộp lại số tiền 10.000.000 đồng). Hội đồng xét xử cần trả lại cho các bị hại.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI, Model: 21061119AG, vỏ màu xanh, số IMEI1: 867469059218809, số IMEI2: 867469059218817. Bên trong có lắp 01 sim, mặt sau sim có in: 8984048000035171410 4G VIETTEL. Là phương tiện dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J7 PRIME, vỏ màu đồng, số IMEI1: 353415/08/540698/4, số IMEI2: 353416/08/540698/2. Bên trong có lắp 02 sim, mặt sau sim có in: 8984048008811052231 4G VIETTEL và 898402000 VINAPHONE 11135994141, cần trả lại cho Nguyễn Văn Sơn.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại Đinh Thị Dương, Lò Thị Thìn, Hoàng Thị Hòa, Giàng A Chu, Lương Văn Quỳnh, Lò Thị Hồng, Giàng A Tủa, Phàng A Lồng, Phàng A Dền, Thào A Lữ và anh Thào A Chua; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phàng Thị Dỡ, Vàng Thị Trú, Vàng Thị Chơ, Mùa Thị Giang, Nguyễn Thanh Tùng, Giàng Thị Dơ, Thào Thị Sử, Phàng Thị Chá và Thào Thị Pàng không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[5] Đối với Nguyễn Văn Sơn, tại phiên tòa Sơn xác nhận có liên lạc với bị cáo Phan Thị L nhưng nội dung trao đổi giữa L và Sơn là tư vấn, dạy lý thuyết thi sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1 và số tiền 10.000.000 đồng bị cáo L đưa cho Sơn là tiền thuê Sơn tư vấn, dạy lý thuyết chứ không phải để chạy (bao đỗ) lý thuyết thi giấy phép lái xe như bị cáo L đã khai tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa. Nguyễn Văn Sơn không thừa nhận hành vi đồng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với bị cáo Phan Thị L. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ sau đây:

[5.1] Bị cáo Phan Thị L có 08 lời khai xác định: L khai gọi điện hỏi Sơn việc chạy bằng lái xe và Sơn nhất trí. Bị cáo Phan Thị L khai: “...tôi biết thông tin tại huyện Phù Yên chuẩn bị mở lớp thi sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1 tại Công ty cổ phần QLSC và XDCT giao thông 2 Sơn La. Tôi sử dụng điện thoại của tôi số thuê bao 0376.534.843 để gọi điện trao đổi với anh Sơn (số điện thoại của anh Sơn là 0964.449.568 và 0915.932.092). Tôi hỏi “*anh xem có ai làm được bằng xe máy không,*” anh Sơn trả lời “*làm được, ai làm thì em chụp ảnh căn cước gửi cho anh, em thu mỗi người 1.500.000 đồng, đưa cho anh 1.000.000 đồng, còn em giữ 500.000 đồng* (bút lục 259, 299, 299,301, 310, 314, 485, 486).” Tại các bản khai của mình, bị cáo L đều khẳng định sức khỏe của bản thân bình thường, tinh thần minh mẫn, đồng thời cam kết lời khai của mình đúng sự thật. Lời khai của Phan Thị L tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Nguyễn Văn Sơn xác nhận bị cáo L gọi điện hỏi việc “làm” bằng lái xe. Tại phiên tòa, Sơn cũng xác nhận Sơn hiểu L hỏi “làm” bằng lái xe nghĩa là chạy, bao đỗ phần thi lý thuyết (nhưng Sơn khai Sơn không nhất trí, Sơn nói với L “*bây giờ họ làm chặt lắm*”). Sơn xác nhận có nhận số tiền 10.000.000 đồng của L (bút lục 337, 340, 342, 344, 348). Nguyễn Văn Sơn cũng xác định sau khi Sơn nhận số tiền 10.000.000 đồng do L đưa vào ngày 17/3/2023, Sơn có yêu cầu L đưa những người dự thi đến nhà để Sơn tư vấn, dạy lý thuyết cho họ thì L bảo “*họ không xuống đâu*” (bút lục 348, 349). Đến ngày 19/3/2023 Sơn gọi điện yêu cầu L đưa

bị hại xuống để “tư vấn, dạy lý thuyết” (bút lục 317, 326, 517, 340, 342, 345, 348) nhưng L bảo đang bận đi làm tại huyện Bắc Yên, không đi thông báo được; Việc Sơn yêu cầu L đưa những người có nhu cầu chạy giấy phép lái xe (bao đỗ lý thuyết) đến nhà để Sơn “tư vấn, dạy lý thuyết” là do Sơn tự yêu cầu, giữa Sơn và L không có thỏa thuận (bút lục 306, 486). Sau khi thỏa thuận việc nhận tiền của các bị hại để bao thi đỗ lý thuyết thi sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô, giữa Sơn và L có trao đổi, gửi ảnh căn cước công dân của những người dự thi qua zalo đúng như L đã khai (L gửi cho Sơn 13 ảnh căn cước công dân của 13 người dự thi, bút lục 51, 52, 340). Ngoài ra, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đều khai việc đưa tiền cho L là để L chạy thi giấy phép lái xe hạng A1 (bao đỗ lý thuyết), không ai có nhu cầu thuê người tư vấn, dạy lý thuyết (bút lục 93-291).

[5.2] Nguyễn Văn Sơn khai việc nhận của L số tiền 10.000.000 đồng là để “tư vấn, dạy lý thuyết” thi sát hạch cấp giấy phép lái xe cho các bị hại là không phù hợp với các tình tiết khách quan bởi vì:

Thứ nhất, Sơn không có chức năng và cũng không có khả năng hướng dẫn, dạy lý thuyết thi cấp giấy phép lái xe hạng A1. Vì Sơn là cán bộ Cơ quan Quản lý thị trường huyện, không phải cán bộ Trung tâm sát hạch lái xe có thẩm quyền; Cơ quan điều tra đã yêu cầu Sơn thực hiện thi kiểm tra nội dung lý thuyết thi cấp giấy phép lái xe hạng A1 nhưng cả 2 lần Sơn đều không đạt.

Thứ hai, bản thân Sơn không biết, không hỏi, không quan tâm đến lịch thi lý thuyết (bút lục 343, 351). Thực tế nếu Sơn đã nhận “tư vấn, dạy lý thuyết” thì cần phải nắm được lịch thi để chủ động sắp xếp lịch dạy cho phù hợp nhằm đảm bảo kết quả thi cao nhất có thể. Sơn cũng không đưa ra cam kết, đảm bảo về chất lượng “tư vấn, dạy lý thuyết” hay thỏa thuận giải quyết hậu quả trong trường hợp các bị hại thi trượt như thế nào là không phù hợp.

Thứ ba, Lời khai của Sơn và L về việc thông báo cho bị hại đến học lý thuyết có nhiều mâu thuẫn, không thống nhất. Có lúc Sơn khai gọi điện vào khoảng 18-20/3 (bút lục 326), nhắn qua Zalo (bút lục 344, 345); có lúc khai khi nhận tiền vào ngày 17/3 nói với L đưa các bị hại đến để dạy lý thuyết (bút lục 348). Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29/01/2024, Sơn lại khai gọi điện nhiều lần trong khi L khai Sơn chỉ gọi điện thông báo vào ngày 19/3/2023). Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 05/3/2024, Sơn và L khai Sơn có gọi điện cho L cả vào ngày 18/3/2023 và ngày 19/3/2023.

Thứ tư, Sơn và L không thỏa thuận trước về thời gian, địa điểm, lịch học lý thuyết (bút lục 486). Ngày 19/3 Sơn mới gọi điện thoại yêu cầu L đưa các bị hại đến để học lý thuyết, lúc đó L đang đi làm ở huyện Bắc Yên (bút lục 299, 306, 326); ngày 22/3/2023 nhắn qua zalo (bút lục 342, 343), trong khi ngày 20, 21, 22/3 đều là những ngày làm việc, ngày 22/3/2023 Sơn đang đi công tác tại huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La (việc đi công tác tại huyện Bắc Yên là do Sơn tự đi, không phải do cấp có thẩm quyền triệu tập). Do đó, Sơn không có điều kiện, thời gian để thực hiện việc “tư vấn, dạy lý thuyết” như Sơn đã khai. Mặt khác bản thân L không hề liên lạc với các bị hại để thông báo việc học lý thuyết (L có

số điện thoại liên lạc của một số bị hại và một số bị hại có địa chỉ tương đối gần nơi ở của L) cũng là không phù hợp.

Thứ năm, Sơn khai ngày 17/3/2023 khi L đưa tiền (10.000.000 đồng) cho Sơn, Sơn có nói với L đưa các bị hại đến nhà để tư vấn, dạy lý thuyết, L bảo họ không xuống (bút lục 348). Tại phiên tòa, Sơn và L khai ngày 18/3/2023 và ngày 19/3/2023, Sơn có gọi điện yêu cầu L đưa các bị hại đến nhà để tư vấn, dạy lý thuyết, nhưng L bảo là đang đi làm không đi thông báo được nhưng Sơn không chủ động trả lại tiền cho các bị hại mà đến ngày 29/3/2023 khi Cơ quan điều tra yêu cầu Sơn nộp thì Sơn mới nộp lại khoản tiền trên. Như vậy, ngay từ ngày 17/3/2023, Sơn đã biết những người thi sát hạch cấp giấy phép lái xe không xuống học nhưng Sơn vẫn nhận tiền, sau đó cũng không chủ động trả lại tiền cho các bị hại, điều đó chứng minh khoản tiền 10.000.000 đồng Sơn nhận của L không phải để thuê Sơn tư vấn, dạy lý thuyết như Sơn đã khai.

Thứ sáu, Các bị hại đều là người có trình độ học vấn thấp, trong đó 4 người không biết chữ, không nghe nói được tiếng phổ thông; bản thân Sơn biết rõ việc này vì khi gửi ảnh căn cước L và Sơn có trao đổi về những trường hợp không biết chữ (bút lục 51, 52, 340). Sơn khai phương pháp dạy là “hướng dẫn những người tham gia thi đọc hiểu luật giao thông đường bộ và quyền *“Hỏi và đáp về luật giao thông đường bộ dùng cho sát hạch cấp giấy phép lái xe hạng A1”*, cách nhận biết các biển báo giao thông (bút lục 337). Việc Sơn áp dụng phương pháp trên để hướng dẫn, dạy cho những người không biết nói, không biết đọc tiếng phổ thông mà không có người phiên dịch là không khả thi và chưa phù hợp.

Thứ bảy, bản thân L khi trao đổi với các bị hại về việc chạy giấy phép lái xe, L cũng không trao đổi với bất cứ bị hại nào nội dung dạy lý thuyết. Nếu các bị hại có nhu cầu thuê người tư vấn dạy lý thuyết thì khi trao đổi với L họ cũng phải tìm hiểu về năng lực, khả năng của người nhận tư vấn dạy lý thuyết nhưng tuyệt nhiên không có ai hỏi, trao đổi về nội dung này. L cũng chỉ chụp ảnh CCCD của bị hại để gửi cho Sơn mà không lấy bất cứ thông tin liên lạc nào khác như địa chỉ hay số điện thoại để liên lạc với các bị hại để thông báo thời gian, địa điểm đi học lý thuyết.

Tất cả các bị hại đều có yêu cầu chạy giấy phép lái xe (bao đỗ lý thuyết); không ai có nhu cầu học lý thuyết, các bị hại khi mua hồ sơ đã tự đăng ký và nộp tiền học lý thuyết tại Trung tâm sát hạch lái xe.

[5.3] Từ những đánh giá ở trên thấy rằng lời khai của Nguyễn Văn Sơn về việc nhận tiền chỉ để tư vấn, dạy lý thuyết thi sát hạch lái xe là không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án. Nguyễn Văn Sơn không có chức năng và cũng không có khả năng dạy, hướng dẫn lý thuyết thi giấy phép lái xe; Ngày 17/3/2023, khi L đưa 10.000.000 đồng cho Sơn, Sơn biết những người thi sát hạch cấp giấy phép lái xe không xuống học nhưng Sơn vẫn nhận tiền. Giữa L và Sơn không có sự thỏa thuận trước về việc hướng dẫn lý thuyết, chỉ sau khi nhận tiền vào ngày 17/3/2023 (tội phạm đã hoàn thành), hành vi bị phát giác, Sơn mới nài ra lý do yêu cầu L đưa người bị hại đến để dạy lý thuyết.

Nguyễn Văn Sơn hiểu rõ câu hỏi của bị cáo L “*anh xem có ai làm được bằng xe máy không.*” “*Làm*” có nghĩa là chạy bao đỗ lý thuyết thi sát hạch cấp giấy phép lái xe. Sơn cũng biết L làm nghề buôn bán hoa quả, không liên quan gì đến việc thi cấp giấy phép lái xe mô tô và trước đó L đã gọi điện cho Sơn hỏi việc chạy làm bằng lái xe nên Sơn phải biết số tiền L đưa cho mình 10.000.000 đồng) là do L phạm tội mà có.

Do đó, có căn cứ để cho rằng, hành vi của Nguyễn Văn Sơn có dấu hiệu đồng phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với Phan Thị L, theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất, Tòa án đã trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều vấn đề trong đó có yêu cầu điều tra làm rõ vai trò đồng phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Văn Sơn nhưng Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng số: 51/CT – VKS ngày 23/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Do đó, Hội đồng xét xử cần căn cứ vào Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự quy định về “Giới hạn của việc xét xử” chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cần kiến nghị cơ quan tố tụng cấp có thẩm quyền xem xét xử lý đối với ông Nguyễn Văn Sơn theo quy định của pháp luật, tránh việc bỏ lọt người phạm tội. Mặt khác, bản thân ông Nguyễn Văn Sơn hiện là Bí thư chi bộ Đội quản lý thị trường số 4, Phù – Bắc Yên, vì hám lợi trước mắt đã làm những việc mà pháp luật không cho phép, vi phạm tư cách người đảng viên. Hội đồng xét xử cần kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm về mặt đảng và chính quyền đối với ông Nguyễn Văn Sơn theo đúng quy định.

Đối với Hà Thị Mai và Thào A Chua: Quá trình điều tra xác định được Mai và Chua không được bàn bạc, thống nhất với Phan Thị L về việc giới thiệu các bị hại đến gặp L để nhờ L giúp thi đỗ phần thi lý thuyết sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô Hạng A1 và không được hưởng lợi. Do vậy, Hà Thị Mai và Thào A Chua không đồng phạm với Phan Thị L.

[6] Về án phí, bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo Phan Thị L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt Phan Thị L 18 (mười tám) tháng tù, được trừ đi thời gian đã bị tạm giam (từ ngày 17 tháng 5 năm 2023 đến ngày 22/9/2023) là 04 tháng 09 ngày; bị cáo còn phải chấp hành tiếp 13 (mười ba) tháng 21 (hai mươi một) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Căn cứ điểm a, khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại cho các bị hại gồm: Chị Đinh Thị Dương số tiền 1.700.000 đồng; chị Lò Thị Thìn số tiền 1.700.000 đồng; chị Hoàng Thị Hòa số tiền 1.700.000 đồng; anh Giàng A Chu số tiền 1.700.000 đồng; anh Lường Văn Quỳnh số tiền 1.500.000 đồng; chị Lò Thị Hồng số tiền 1.700.000 đồng; anh Giàng A Tủa số tiền 1.700.000 đồng; anh Phàng A Lồng số tiền 1.700.000 đồng; anh Phàng A Dềnh số tiền 1.700.000 đồng; anh Thào A Lử số tiền 3.400.000 đồng và anh Thào A Chua số tiền 3.400.000 đồng.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn Sơn 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J7 PRIME, vỏ màu đồng, số IMEI1: 353415/08/540698/4, số IMEI2: 353416/08/540698/2. Bên trong có lắp 02 sim, mặt sau sim có in: 8984048008811052231 4G VIETTEL và 898402000 VINAPHONE 11135994141.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI, Model: 21061119AG, vỏ màu xanh, số IMEI1: 867469059218809, số IMEI2: 867469059218817. Bên trong có lắp 01 sim, mặt sau sim có in: 8984048000035171410 4G VIETTEL của bị cáo Phan Thị L.

3. Vấn đề dân sự:

Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự;

Ghi nhận các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Phan Thị L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Kiến nghị: Kiến nghị cơ quan tố tụng cấp có thẩm quyền xem xét xử lý đối với Nguyễn Văn Sơn theo quy định của pháp luật. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm về mặt đảng và chính quyền đối với ông Nguyễn Văn Sơn theo đúng quy định.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/3/2024). Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
 - Bị hại (nếu có);
 - VKSND huyện Phù Yên;
 - Người bào chữa (nếu có);
- } Giao

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan điều tra- CA huyện ;
- Bộ phận hồ sơ NV- CA huyện;
- CQ Thi hành án hình sự;
- Trại TG (nhà tạm giam);
- Sở tư pháp tỉnh;
- Người có QL,NVLQ (nếu có);
- Chi cục THADS huyện (án có hiệu lực);
- Lưu: HS.

Gửi

Hoàng Tân Việt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

